

Số: *1976*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *31* tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư điều chỉnh,  
bổ sung (lần 3) dự án: Mở rộng chợ trung tâm thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy  
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi  
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện  
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân  
sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND  
tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất  
ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng,  
đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở  
cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND  
tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công  
tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất  
trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND  
tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo  
Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ  
một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số  
35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh  
Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND  
tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thành phố Lai  
Châu, tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh*







Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 07 dự án thuộc huyện Tam Đường, thành phố Lai Châu và 01 dự án để tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án đường Nùng Nàng – Nậm Tăm (đoạn nối tiếp Đại lộ Lê Lợi);

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 721 /TTr-TNMT ngày 30/12/2020 và Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 214/TTr-TTPTQĐ ngày 29/10/2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư điều chỉnh, bổ sung (lần 3) dự án: Mở rộng chợ trung tâm thành phố, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: **948.627.546 đồng.**

(Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng)

#### **Trong đó:**

<b>- Chi trả cho chủ sở hữu:</b>	<b>919.800.000 đồng</b>
+ Chính sách hỗ trợ:	919.800.000 đồng
<b>- Dự toán Kinh phí tổ chức thực hiện bổ sung:</b>	<b>26.152.057 đồng</b>
+ Chi cho Trung tâm PTQĐ thành phố:	16.918.247 đồng
+ Chi cho phòng Tài nguyên - Môi trường:	4.616.905 đồng
+ Chi phí cho Sở Tài chính:	1.846.762 đồng
+ Chi phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường:	1.846.762 đồng
+ Chi phí cho phòng Tài chính - Kế hoạch:	923.381 đồng
<b>- Kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán toàn bộ phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án:</b>	<b>10.407.439 đồng</b>
<b>- Truy thu chi phí dự phòng cưỡng chế giải phóng mặt bằng:</b>	<b>7.731.950 đồng</b>

(Có các bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.



DE

NOT

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đoàn Kết; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**BÍ THƯ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**





**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TĐC (Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung lần 3)**

**Dự án: Mở rộng chợ trung tâm thành phố**

Kèm theo Quyết định số: 1976 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG (I+II-III+IV+V)</b>	<b>Đồng</b>			<b>948.627.546</b>
<b>I</b>	<b>Chi trả cho chủ sở hữu</b>	<b>Đồng</b>			<b>919.800.000</b>
	Về chính sách hỗ trợ	Đồng			919.800.000
<b>II</b>	<b>Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ bổ sung</b>	<b>Đồng</b>			<b>26.152.057</b>
1	Trung tâm PTQĐ thành phố tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.	Đồng			16.918.247
2	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	Đồng			9.233.810
	Phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng			4.616.905
	Sở Tài chính thẩm định giá đất cụ thể	Đồng			1.846.762
	Sở Tài nguyên và Môi trường xác định giá đất cụ thể.	Đồng			1.846.762
	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Đồng			923.381
<b>III</b>	<b>Truy thu chi phí dự phòng cưỡng chế giải phóng mặt bằng (Đã phê duyệt tại Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND thành phố Lai Châu)</b>	<b>Đồng</b>			<b>7.731.950</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán toàn bộ phương án bồi thường, hỗ trợ TĐC của dự án</b>	<b>Đồng</b>			<b>10.407.439</b>
<b>B</b>	<b>CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN</b>	<b>Đồng</b>			<b>919.800.000</b>
1	<b>Hộ gia đình: Lưu Thị Hiệp</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bảng a)</b>				<b>42.960.000</b>
<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2+3)</b>				<b>42.960.000</b>
1	Hỗ trợ khoan chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				90.520.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 1.404.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường A14, phường Đông Phong.	m <sup>2</sup>	80,0	1.404.000	112.320.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		54,5	400.000	21.800.000





2	Truy thu lại tiền hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				65.560.000
3	Hỗ trợ tiền thuê nhà (01 khẩu) trong thời gian chờ bàn giao đất tái định cư (Gia đình bàn giao đất thu hồi từ ngày 22/6/2017 và đến ngày 20/12/2018 nhận thông báo giấy mời giao nhận đất TĐC. Tính hỗ trợ 18 tháng theo quy định. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ theo quy định tại Khoản 6, Điều 21, Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)	Tháng	18,0	1.000.000	18.000.000
<b>2</b>	<b>Hộ gia đình: Trần Văn Chiến</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)</b>				<b>307.640.000</b>
<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2+3)</b>				<b>307.640.000</b>
1	Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				340.000.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 4.500.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường Trần Phú (Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi)	m <sup>2</sup>	80,0	4.500.000	360.000.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		50,0	400.000	20.000.000
2	Truy thu lại tiền hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				67.360.000
3	Hỗ trợ tiền thuê nhà (01 khẩu) trong thời gian chờ bàn giao đất tái định cư (Gia đình bàn giao đất thu hồi từ ngày 22/6/2017 và đến ngày 25/5/2020 nhận thông báo giấy mời giao nhận đất TĐC. Tính hỗ trợ 35 tháng theo quy định. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ theo khoản 6, điều 21, Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)	Tháng	35,0	1.000.000	35.000.000
<b>3</b>	<b>Hộ gia đình: Nguyễn Thế Vinh</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)</b>				<b>130.640.000</b>







<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2+3)</b>				<b>130.640.000</b>
1	Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				81.520.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 1.300.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường Chu Văn An (Đoạn tiếp giáp từ đường Ngô Quyền đến tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng)	m <sup>2</sup>	80,0	1.300.000	104.000.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		56,2	400.000	22.480.000
2	Truy thu lại tiền hỗ trợ về giá trị suất đất tái định cư tối thiểu đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				64.880.000
3	Hỗ trợ tiền thuê nhà (05 khẩu) trong thời gian chờ bàn giao đất tái định cư (Gia đình bàn giao đất thu hồi từ ngày 22/6/2017 và đến ngày 24/8/2020 nhận thông báo giấy mời giao nhận đất TĐC. Tính hỗ trợ 38 tháng theo quy định. Hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ theo Khoản 6, Điều 21, Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)	Tháng	38,0	3.000.000	114.000.000
<b>4</b>	<b>Hộ gia đình: Nguyễn Thị Liễu</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bảng a)</b>				<b>100.640.000</b>
<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2+3)</b>				<b>100.640.000</b>
1	Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				72.000.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 1.500.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường Thanh Niên (Đoạn tiếp giáp từ Phố Tô Hiến Thành đến tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh)	m <sup>2</sup>	80,0	1.500.000	120.000.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		60,0	800.000	48.000.000
2	Truy thu lại tiền hỗ trợ về giá trị suất đất tái định cư tối thiểu đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				39.360.000





3	Hỗ trợ tiền thuê nhà (02 khẩu) trong thời gian chờ bàn giao đất tái định cư (Gia đình bàn giao đất thu hồi từ ngày 12/10/2017 và đến ngày 14/10/2020 nhận thông báo giấy mời giao nhận đất TĐC. Tính hỗ trợ 36 tháng theo quy định. Hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ theo Khoản 6, Điều 21, Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)	Tháng	34,0	2.000.000	68.000.000
<b>5</b>	<b>Hộ gia đình: Đào Thị Thắm</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)</b>				<b>32.640.000</b>
<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2)</b>				<b>32.640.000</b>
1	Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				62.320.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 1.500.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường Thanh Niên (Đoạn tiếp giáp từ Phố Tô Hiến Thành đến tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh)	m <sup>2</sup>	80,0	1.500.000	120.000.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		72,1	800.000	57.680.000
2	Truy thu lại tiền hỗ trợ về giá trị suất đất tái định cư tối thiểu đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				29.680.000
<b>6</b>	<b>Hộ gia đình: Đào Quang Minh</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)</b>				<b>32.640.000</b>
<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2)</b>				<b>32.640.000</b>
1	Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				48.400.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 1.500.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường Thanh Niên (Đoạn tiếp giáp từ Phố Tô Hiến Thành đến tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh)	m <sup>2</sup>	80,0	1.500.000	120.000.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		89,5	800.000	71.600.000





2	Truy thu lại tiền hỗ trợ về giá trị suất đất tái định cư tối thiểu đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				15.760.000
7	<b>Hộ gia đình: Nguyễn Thị Nhị</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 7 phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)</b>				<b>272.640.000</b>
<b>a</b>	<b>Chính sách hỗ trợ (1-2)</b>				<b>272.640.000</b>
1	Hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất đất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất (Áp dụng theo Điều 22, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)(1.1-1.2)				341.360.000
1.1	Giá trị suất tái định cư tối thiểu (giá đất 4.500.000 đồng/m <sup>2</sup> theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu). Vị trí 1, Đường Trần Phú (Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi)	m <sup>2</sup>	80,0	4.500.000	360.000.000
1.2	Số tiền được bồi thường về đất (đã được UBND thành phố phê duyệt)		46,6	400.000	18.640.000
2	Truy thu lại tiền hỗ trợ về giá trị suất đất tái định cư tối thiểu đã được phê duyệt quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Lai Châu (Do khu dân cư 4C đang giải quyết tranh chấp đất đai chưa bố trí được mặt bằng bàn giao cho hộ gia đình)				68.720.000





**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

Kèm theo Quyết định số: 1976 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Nội dung	Tổng kinh phí toàn bộ dự án	Trong đó:		Ghi chú
			Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí thẩm định điều chỉnh, bổ sung	
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C+D)</b>	3.646.140.405	2.697.512.859	948.627.546	
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ</b>	3.512.244.412	2.592.444.412	919.800.000	
<b>B</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (I + II)</b>	123.488.554	97.336.497	26.152.057	
<b>I</b>	<b>80% kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.</b>	98.790.844	81.872.597	16.918.247	Kinh phí đã phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 và số 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 là: 81.872.597 đồng
-	Kinh phí cho TTPT Quỹ đất thành phố thực hiện các nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư	78.773.844	61.855.597	16.918.247	Đã phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 là 61.855.597 (Bao gồm cả chi phí bố trí cho trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính)
-	Chi phí Tư vấn xác định giá đất cụ thể	20.017.000	20.017.000		Đã phê duyệt tại Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018
<b>II</b>	<b>Chi cho các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (1+2+3+4)</b>	24.697.711	15.463.900	9.233.811	
1	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	12.348.855	7.731.950	4.616.905	
2	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể;	4.939.542	3.092.780	1.846.762	Kinh phí đã phê duyệt tại Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 là: 15.463.900 đồng
3	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.	4.939.542	3.092.780	1.846.762	
4	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;	2.469.771	1.546.390	923.381	
<b>C</b>	<b>TRUY THU CHI PHÍ DỰ PHÒNG CƯỠNG CHẾ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG</b> (Đã phê duyệt tại Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND thành phố Lai Châu)	0	7.731.950	-7.731.950	Phê duyệt tại Quyết định 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018
<b>D</b>	<b>CHI PHÍ THẨM TRA PHÊ DUYỆT, QUYẾT TOÁN TOÀN BỘ CÁC PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN</b>	10.407.439		10.407.439	

CHẤU TÀI





**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN (Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung lần 3)  
Phương án bồi thường, hỗ trợ TĐC dự án: Mở rộng Chợ Trung tâm thành phố Lai Châu**

*Kèm theo Quyết định số: 1976 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu*

- Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân có đất thu hồi dự kiến:**
1. Quyết định phê duyệt số: 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 3.512.244.412 đồng.
  2. Quyết định phê duyệt số: 1846/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 1.865.974.837 đồng.
  3. Quyết định phê duyệt số: 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 393.889.575 đồng.
  4. Đề nghị phê duyệt bổ sung 332.580.000 đồng.
- Khái toán chi phí tổ chức thực hiện BT, HT dự án theo quyết định số: 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu.** 919.800.000 đồng.
- 122.928.554 đồng.**

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền			Ghi chú
							Tổng dự toán	Trong đó		
								Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung	
A	DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ						123.488.554	105.068.447	18.420.107	
I	80% kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.						98.790.844	81.872.597	16.918.247	
1	Kinh phí cho TTPPT Quý đất thanh phố thực hiện các nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư.						78.773.844	61.855.597	16.918.247	Đã phê duyệt tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 là 61.855.597 (Bao gồm cả chi phí bố trí cho trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính)





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền			Ghi chú
							Tổng dự toán	Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung	
-	<i>Trong đó: Dự trừ kinh phí cho chi phí trích đo, chính lý bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác đền bù GPMB</i>						36.470.645			<i>Sản phẩm đo đạc chưa được các cơ quan thẩm định về khối lượng, nội dung đo vẽ, tiêu chuẩn kỹ thuật đo đạc. Do vậy kinh phí chi là dự kiến, chi thực hiện thanh toán khi đảm bảo các thủ tục thẩm định, phê duyệt theo quy định</i>
2	Chi phí Tư vấn xác định giá đất cụ thể						20.017.000	20.017.000		Đã phê duyệt tại Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018
<b>II</b>	<b>20% kinh phí chi cho các cơ quan liên quan trong công tác thẩm định</b>						<b>24.697.711</b>	<b>15.463.900</b>	<b>9.233.811</b>	
1	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.						12.348.855	7.731.950	4.616.905	
2	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tính để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể;						4.939.542	3.092.780	1.846.762	Kinh phí đã phê duyệt tại Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 là:





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền			Ghi chú
							Tổng dự toán	Trong đó		
								Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung	
3	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.					4.939.542	3.092.780	1.846.762	15.463.900 đồng	
4	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;					2.469.771	1.546.390	923.381		
III	<b>Dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:</b>					-	7.731.950	-7.731.950		
B	<b>CHI TIẾT DỰ TOÁN (I+II)</b>					123.488.554				
I	<b>Chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: (1+2+3+4+5+6)</b>					123.488.554				
I	<b>Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>					1.400.000				
-	Chi cho nhân công không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Tổ trưởng, thuê nhân công tổ dân phố) để thực hiện tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Người	2	7		100.000			1.400.000	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán	Thành tiền		Ghi chú
								Trong đó		
								Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm						47.567.605			
a	Chi tiền thù lao cho Tổ trưởng, nhân công tổ dân phố tham gia vào dự án.	Người					1.400.000			
	Chi tiền thù lao cho Tổ trưởng, nhân công tổ dân phố tham gia vào dự án năm 2017	Người	1	7			700.000			
	Chi tiền thù lao cho Tổ trưởng, nhân công tổ dân phố tham gia vào dự án 2020	Người	1	7			700.000			
b	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm)						9.696.960			
c	Chi phí trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác đền bù GPMB (dự trù)						36.470.645			Sản phẩm đo đạc chưa được cơ quan thẩm định về khối lượng, nội dung đo vẽ, tiêu chuẩn kỹ thuật đo đạc. Do vậy kinh phí chi là dự kiến, chi thực hiện thanh toán khi đàm báo các thủ tục thẩm định, phê duyệt theo quy định
3	Chi cho công tác định giá đất						20.017.000			
-	Chi phí định giá đất cụ thể						20.017.000			Đã phê duyệt tại Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND thành phố Lai Châu





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền			Ghi chú
							Tổng dự toán	Trong đó		
								Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung	
4	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;					13.129.280				
a	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động (Không quá 200h/năm)					12.929.280				
b	Thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Người/ngày	1	2		100.000	200.000			
5	<b>Chi cho các cơ quan liên quan (1+2+3+4)</b>						<b>24.697.711</b>			
a	100% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng					12.348.855			
	<i>Trong đó: Đã phê duyệt tại Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND thành phố Lai Châu</i>						7.731.950			
b	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tính để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể	Đồng					4.939.542			





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền			Ghi chú
							Tổng dự toán	Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung	
	<i>Trong đó: Đã phê duyệt tại Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND thành phố Lai Châu</i>						3.092.780			
c	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể	Đồng					4.939.542			
	<i>Trong đó: Đã phê duyệt tại Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND thành phố Lai Châu</i>						3.092.780			
d	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Đồng					2.469.771			
	<i>Trong đó: Đã phê duyệt tại Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND thành phố Lai Châu</i>						1.546.390			
6	<b>Chi in ấn, photo tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe</b>						<b>16.676.958</b>			
a	Chi văn phòng phẩm giấy, bút, CCDC, thiết bị văn phòng						8.886.000			
b	Chi mực máy photo, máy in, bảo hành, bảo trì máy tính, máy in						5.290.958			
c	Chi xăng xe cho công chức, viên chức (500.000 đồng/tháng)	Người	5		1	500.000	2.500.000			







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền			Ghi chú
							Tổng dự toán	Trong đó		
							Kinh phí đã phê duyệt	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung		
7	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp tới công tác tổ chức bồi thường GPMB									
II	Dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:	Đồng					-			

